ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 34 /2019/QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 31 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thanh Hóa quản lý

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 /12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ văn bản số 433/KL-HĐND ngày 15/10/2019 Kết luận phiên họp thứ 25 của Thường trực HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại văn bản số 4148/SXD-HĐXD ngày 17/7/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thanh Hóa quản lý.

2. Quyết định này không áp dụng đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Đảng, nhà nước các cấp, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước do tỉnh, huyện quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc sử dụng, kiểm tra, giám sát việc sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thanh Hóa quản lý.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

1. Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính

a) Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh là 40 m^2.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện là 80 m^2.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã là 40 m^2.

2. Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân

a) Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh là 300 m^2.

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện là 140 m^2.

c) Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp xã là 30 m^2.

d) Các sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh hoặc tương đương là 30 m^2.

3. Diện tích sử dụng cho quản trị hệ thống công nghệ thông tin áp dụng cho cả 3 cấp là 40 m^2.

4. Hội trường lớn (áp dụng chung cho tất cả các cơ quan)

a) Hội trường từ 100 chỗ ngồi trở lên (không kể sân khấu), có trang bị bàn viết là 2,0 m^2/chỗ ngồi;

b) Hội trường từ 100 chỗ ngồi trở lên (không kể sân khấu), không trang bị bàn viết là 0,96 m^2/chỗ ngồi.

5. Kho bảo quản chứng từ có giá và các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành (kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, chứng từ, hồ sơ dự án,...) áp dụng chung cho cả 3 cấp là 4,25m^2/công chức hoặc viên chức.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ có hiệu lực thi hành thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định này.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đúng (đủ) theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 3 Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2019.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thanh Hóa (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng TTĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC. (thht)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Lê Thị Thìn